

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 – 2027

TRƯỜNG THPT TRẦN QUANG ĐIỀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới	Ngày	Nơi	Điểm các môn thi			Tổng	Điểm	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
				tính	sinh	sinh	Văn	Toán	Anh	điểm thi tuyển	ưu tiên, khuyến khích	trúng tuyển	nguyện vọng	
1	190033	TQD	ĐINH HOÀNG ANH CẢ	Nam	19/01/2011	Quảng Ngãi	5,75	3	3,75	12,5		12,5	NV1	
2	190104	TQD	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nam	03/08/2011	Quảng Ngãi	6,5	3	3	12,5		12,5	NV1	
3	190125	TQD	ĐINH THỊ DIỄM HƯƠNG	Nữ	21/08/2010	Quảng Ngãi	5,5	1,75	5,25	12,5		12,5	NV1	
4	190169	TQD	ĐINH THỊ HỒNG LÂM	Nữ	12/06/2011	Quảng Ngãi	7	2,5	3	12,5		12,5	NV1	
5	190287	TQD	NGUYỄN QUỐC PHI	Nam	09/09/2011	Quảng Ngãi	5,75	3,75	3	12,5		12,5	NV1	
6	190445	TQD	NGUYỄN PHẠM NHƯ Ý	Nữ	16/09/2011	Quảng Ngãi	5,5	3,5	3,5	12,5		12,5	NV1	
7	190046	TQD	NGUYỄN PHẠM NGỌC DIỆP	Nữ	22/01/2011	Quảng Ngãi	6	3,5	2,75	12,25		12,25	NV1	
8	190050	TQD	PHẠM VĂN DŨNG	Nam	11/03/2011	Quảng Ngãi	6,25	2,5	3,5	12,25		12,25	NV1	
9	190062	TQD	NGUYỄN PHAN HUY ĐẠT	Nam	16/04/2011	Quảng Ngãi	6,25	2	4	12,25		12,25	NV1	
10	190065	TQD	PHAN HUY ĐẠT	Nam	27/07/2011	Quảng Ngãi	2,75	4,75	4,75	12,25		12,25	NV1	
11	190079	TQD	TRẦN PHAN CẨM GIANG	Nữ	05/10/2011	Quảng Ngãi	7	2	3,25	12,25		12,25	NV1	
12	190107	TQD	NGÔ MINH HOÀNG	Nam	29/09/2011	Quảng Ngãi	4,25	1,75	6,25	12,25		12,25	NV1	
13	190128	TQD	TRẦN PHẠM DIỆU HƯƠNG	Nữ	24/10/2011	Quảng Ngãi	5,25	2	5	12,25		12,25	NV1	
14	190168	TQD	VĂN THỊ HỒNG LAM	Nữ	10/09/2011	Quảng Ngãi	6,25	4	2	12,25		12,25	NV1	
15	190282	TQD	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	Nam	23/09/2011	Quảng Ngãi	5,25	3,25	3,75	12,25		12,25	NV1	
16	190298	TQD	TRẦN XUÂN PHÚC	Nam	27/11/2011	Quảng Ngãi	3	3,5	5,75	12,25		12,25	NV1	
17	190336	TQD	DƯƠNG NGỌC THÁI	Nam	29/04/2011	Quảng Ngãi	6,5	1,5	4,25	12,25		12,25	NV1	
18	190358	TQD	PHAN NGỌC CẨM THU	Nữ	29/09/2011	Quảng Ngãi	4,75	5	2,5	12,25		12,25	NV1	

19	190367	TQD	LỮ NGỌC TIN	Nam	25/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	6,25	2,75	3,25	12,25		12,25	NV1	
20	190121	TQD	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	03/03/2011	Quảng Ngãi	5,25	2	4,75	12		12	NV1	
21	190147	TQD	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM	Nam	09/08/2011	Quảng Ngãi	4,75	3	4,25	12		12	NV1	
22	190220	TQD	NGUYỄN THANH NGÀ	Nữ	26/09/2011	Quảng Ngãi	5,5	2,5	4	12		12	NV1	
23	190388	TQD	NGUYỄN THỊ LAN TRINH	Nữ	08/04/2011	Quảng Ngãi	4	4	4	12		12	NV1	
24	190406	TQD	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	Nam	03/09/2011	Quảng Ngãi	5	4	3	12		12	NV1	
25	190064	TQD	NGUYỄN TRẦN HỮU ĐẠT	Nam	05/01/2011	Quảng Ngãi	6,5	2,75	2,5	11,75		11,75	NV1	
26	190145	TQD	NGUYỄN TRƯỞNG DUY KHÁNH	Nam	11/07/2011	Quảng Ngãi	5	3,5	3,25	11,75		11,75	NV1	
27	190190	TQD	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH LY	Nữ	23/05/2011	Quảng Ngãi	5,5	2,75	3,5	11,75		11,75	NV1	
28	190215	TQD	ĐỖ HOÀNG MỸ	Nữ	24/07/2011	Tây Ninh	5	2,5	4,25	11,75		11,75	NV1	
29	190227	TQD	TRẦN HUỲNH KIM NGÂN	Nữ	18/08/2011	Quảng Ngãi	5,75	3,75	2,25	11,75		11,75	NV1	
30	190250	TQD	HỒ NGỌC NHÂN	Nam	25/10/2011	Quảng Ngãi	5	4,75	2	11,75		11,75	NV1	
31	190292	TQD	LÊ NGUYỄN HOÀNG PHÚ	Nam	20/07/2011	Quảng Ngãi	4,5	2,5	4,75	11,75		11,75	NV1	
32	190422	TQD	HUỲNH PHẠM BẢO VI	Nữ	14/03/2011	Quảng Ngãi	6,75	2	3	11,75		11,75	NV1	
33	190036	TQD	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	Nữ	08/12/2011	Quảng Ngãi	6,5	1,5	3,5	11,5		11,5	NV1	
34	190041	TQD	NGUYỄN ANH CÔNG	Nam	25/10/2011	Quảng Ngãi	1,5	4,75	5,25	11,5		11,5	NV1	
35	190375	TQD	NGUYỄN PHAN THANH TRÂM	Nữ	20/02/2011	Quảng Ngãi	4,5	3,75	3,25	11,5		11,5	NV1	
36	190389	TQD	PHẠM NGUYỄN BẢO TRINH	Nữ	30/10/2011	Quảng Ngãi	4,25	3,5	3,75	11,5		11,5	NV1	
37	190209	TQD	NGUYỄN KHẢ MY	Nữ	17/10/2011	Quảng Ngãi	6,5	2,75	2	11,25		11,25	NV1	
38	190390	TQD	NGÔ QUỐC TRỌNG	Nam	02/09/2011	Quảng Ngãi	3,5	3,75	4	11,25		11,25	NV1	

Danh sách này có: 38 học sinh./.